



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH
XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020



Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH
XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020



Được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 06
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	07 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	08 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	12 - 12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	13 - 14
- Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	15 - 54



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000253 cấp ngày 29/12/2000 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 18 số 0302181666 ngày 06/09/2019 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký DN : 240.000.000.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2020 : 240.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 334A Phan Văn Trị, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục);
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động cấp tín dụng khác;
- Sản xuất điện.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

4. Mô hình hoạt động

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty con					
- Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ + Địa chỉ: Cụm CN - Tiểu thủ CN Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.		100%	100%	100%	100%
- Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định + Địa chỉ: 370 Bạch Đằng, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.		100%	100%	100%	100%
- Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ - Địa chỉ: 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.		99,45%	99,45%	99,45%	99,45%
- Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Kim Khí Đại Tây Dương + Địa chỉ: Cụm CN - Tiểu thủ CN Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.		100%	100%	100%	100%
- Công Ty Cổ Phần SXKD Thiết Bị Chiếu Sáng Thái Bình Dương + Địa chỉ: Cụm CN - Tiểu thủ CN Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.		99,9%	99,9%	99,9%	99,9%
- Công Ty CP Đầu Tư Hạ Tầng BT + Địa chỉ: 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.		100%	100%	100%	100%
- Công Ty TNHH MTV Kho Vận Gilimex + Địa chỉ: Cụm CN - Tiểu thủ CN xã Hắc Dịch, ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.		100%	100%	100%	100%
- Công Ty Cổ Phần KCN Gilimex + Địa chỉ: 45 Nguyễn Huệ, P. Vĩnh Ninh, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế. - Tỷ lệ đầu tư trực tiếp: 28% + Tỷ lệ đầu tư gián tiếp: 67%		95%	95%	95%	95%
- Công Ty TNHH Lưu Công Hiếu + Địa chỉ: Số 10A2 KDC An Bình, đường Trần Quốc Toản, KP 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Đồng Nai.		100%	100%	100%	100%
Công ty liên kết					
- Công Ty CP Dệt May Gia Định + Địa chỉ: Số 10-12-14-16 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh + Tỷ lệ đầu tư trực tiếp: 25% + Tỷ lệ đầu tư gián tiếp: 0,91%					
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Hoàng An + Địa chỉ: Số 26A3, Đường Tạo Lực 5, KCN Việt Nam - Singapore 2, P. Hòa Phú, TP TDM, T. Bình Dương - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 35% + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 35%					

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 30/06/2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 21/04/2019 thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 240 tỷ lên thành 360 tỷ, Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐQT ngày 30/06/2020 về việc đăng ký tăng vốn điều lệ và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh, đến ngày 30/06/2020 các Cổ đông đã thực hiện góp vốn đủ, số vốn góp này được Công ty treo trên tài khoản phải trả ngắn hạn khác, sau khi hoàn thành các thủ tục pháp lý cần thiết (Công văn chấp nhận của UBCK và đăng ký thay đổi Giấy CN ĐKKD mới) cho số vốn góp tăng. Đến ngày 16/07/2020, Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh đã hoàn tất mọi thủ tục pháp lý, thực hiện kết chuyển toàn bộ số tiền góp vốn của các Cổ đông sang Tài khoản vốn góp của Chủ sở hữu.

Thực hiện Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng về việc Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của cùng 01 công ty đại chúng, Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh đã có gửi công văn số 111/2020/CV-GIL ngày 17 tháng 08 năm 2020 gửi Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cam kết sẽ thực hiện đúng theo quy định tại nghị định số 71/2017/NĐ-CP kể từ quý 4 năm 2020.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng Quản trị

Ông	Lê Hùng	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên
Ông	Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông	Trần Thanh Tùng	Thành viên
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông	Lê Hùng	Tổng Giám đốc
-----	---------	---------------

Đại diện pháp luật

Ông	Lê Hùng	Tổng Giám đốc
-----	---------	---------------

Kế toán trưởng

Bà	Nguyễn Thị Minh Hiếu	
----	----------------------	--

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác soát xét cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc ngày 30/06/2020. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. CAM KẾT KHÁC


Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020.

Duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2020

TM. Hội đồng Quản trị
Chủ tịch


Lê Hùng

TP. HCM, ngày 28 tháng 08 năm 2020

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc


Lê Hùng

Số: 027/BCKT/TC/2020/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc
của CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020 kèm theo của Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh, được lập ngày 21/08/2020, từ trang 08 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ của Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh tại ngày 30/06/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. HCM, ngày 08 tháng 08 năm 2020
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam



Dương Thị Quỳnh Hoa

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0424-2018-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.698.177.007.101	1.360.580.314.106
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	709.139.553.606	333.952.958.915
Tiền	111		607.139.553.606	214.452.958.915
Các khoản tương đương tiền	112		102.000.000.000	119.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.923.467.500	3.255.462.500
Chứng khoán kinh doanh	121	V.2.1	14.503.467.500	2.835.462.500
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.2	420.000.000	420.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		557.202.764.608	330.613.618.965
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	388.643.017.601	294.537.701.386
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		30.432.552.309	32.720.286.042
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	138.127.194.698	3.355.631.537
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	366.460.292.080	616.679.552.356
Hàng tồn kho	141		366.460.292.080	616.679.552.356
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		50.450.929.307	76.078.721.370
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	1.324.533.453	1.460.590.861
Thuế GTGT được khấu trừ	152		47.264.768.352	72.714.781.249
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	1.861.627.502	1.903.349.260
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		555.370.573.447	483.612.929.908
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.040.944.120	1.969.264.120
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.4	2.040.944.120	1.969.264.120
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		135.774.990.236	119.479.071.549
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	126.966.417.412	110.551.428.377
- Nguyên giá	222		216.750.565.420	193.334.211.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.784.148.008)	(82.782.783.532)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	8.808.572.824	8.927.643.172
- Nguyên giá	228		11.055.145.019	11.055.145.019
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.246.572.195)	(2.127.501.847)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	8.676.058.662	29.953.615.238
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.676.058.662	29.953.615.238
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		396.835.142.973	324.863.711.723
Đầu tư vào công ty con	251	V.2.3	223.643.523.339	173.833.523.339
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2.4	208.809.825.350	186.648.394.100
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(35.618.205.716)	(35.618.205.716)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.043.437.456	7.347.267.278
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	11.753.860.185	7.335.633.707
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	289.577.271	11.633.571
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.253.547.580.548	1.844.193.244.014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.342.211.969.440	1.032.778.480.258
I. Nợ ngắn hạn	310		1.339.611.969.440	1.030.178.480.258
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	474.346.114.815	355.546.823.201
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		28.377.174.824	28.220.834.487
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	16.794.500.062	13.672.869.653
Phải trả người lao động	314		27.659.265.970	30.073.105.678
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	872.248.013	718.286.266
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	1.408.158.091	742.668.622
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	234.495.922.183	42.279.577.275
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	555.612.738.669	558.878.468.263
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.846.813	45.846.813
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.600.000.000	2.600.000.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.15	2.600.000.000	2.600.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.17	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	911.335.611.108	811.414.763.756
I. Vốn chủ sở hữu	410		911.335.611.108	811.414.763.756
Vốn góp của chủ sở hữu	411		240.000.000.000	240.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		240.000.000.000	240.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		172.983.798.793	172.983.798.793
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		43.084.668.600	45.593.508.600
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		455.267.143.715	352.837.456.363
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		352.837.456.363	241.701.876.850
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		102.429.687.352	111.135.579.513
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.253.547.580.548	1.844.193.244.014

Người lập biểu


Dương Ngọc Hải

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Minh Hiền

TP. HCM, ngày 21 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc



Lê Hùng

1729
CÔNG TY
CƠ HỮU
TƯ V
KẾ T
M TOÁN
A NAM
P HỒ C

81666-C
CÔNG TY
CƠ HỮU
TƯ V
KẾ T
M TOÁN
A NAM
P HỒ C

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020


Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.536.076.156.488	1.017.356.012.846
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.536.076.156.488	1.017.356.012.846
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.292.424.897.153	862.936.402.776
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		243.651.259.335	154.419.610.070
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	30.300.162.824	19.606.591.747
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	32.994.847.188	26.590.980.489
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.847.695.856	10.656.671.497
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	71.008.462.624	33.603.402.720
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	41.680.313.043	31.823.281.539
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		128.267.799.304	82.008.537.069
11. Thu nhập khác	31	VI.6	742.607.615	3.071.959.788
12. Chi phí khác	32	VI.7	322.591.882	7.255.903.108
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		420.015.733	(4.183.943.320)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		128.687.815.037	77.824.593.749
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	26.392.071.385	18.215.396.349
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	(277.943.700)	179.790.743
17. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		102.573.687.352	59.429.406.657
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Người lập biểu


Dương Ngọc Hải

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Minh Hiếu

TP. HCM, ngày 21 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc



Lê Hùng

(*) Chỉ trình bày chỉ tiêu này trên báo cáo hợp nhất giữa niên độ, kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		128.687.815.037	77.824.593.749
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		7.120.434.824	6.289.675.870
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(8.228.569.248)	1.089.545.236
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.587.185.241)	1.039.920.042
- Chi phí lãi vay	06		7.847.695.856	10.656.671.497
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		131.840.191.228	96.900.406.394
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(202.006.629.518)	178.061.071.314
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		250.219.260.276	82.431.863.336
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		314.290.848.421	(133.450.575.379)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(4.216.089.070)	1.291.229.576
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		(11.668.005.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.975.734.109)	(11.063.064.503)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(23.263.599.963)	(30.186.573.980)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.652.840.000)	(60.600.000)
4. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		444.567.402.265	183.923.756.758
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.088.221.761)	(21.092.608.573)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.122.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(71.971.431.250)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.587.185.241	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(74.472.467.770)	(19.970.608.573)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		666.934.804.124	595.587.287.359

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020


Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(660.954.852.403)	(768.813.439.338)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(118.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.979.951.721	(173.226.270.729)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		376.074.886.216	(9.273.122.544)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		333.952.958.915	203.941.369.291
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(888.291.525)	(231.870.497)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70		709.139.553.606	194.436.376.250

Người lập biểu


Dương Ngọc Hải

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Minh Hiếu

TP. HCM, ngày 21 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc




Lê Hùng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000253 cấp ngày 29/12/2000 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 18 số 0302181666 ngày 06/09/2019 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký DN : 240.000.000.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2020 : 240.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 334A Phan Văn Trị, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục);
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động cấp tin dụng khác;
- Sản xuất điện

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

6. Mô hình hoạt động

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty con					
- Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ		100%	100%	100%	100%
+ Địa chỉ: Cụm CN - Tiểu thủ CN Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.					
- Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định		100%	100%	100%	100%
+ Địa chỉ: 370 Bạch Đằng, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.					
- Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ		99,45%	99,45%	99,45%	99,45%
+ Địa chỉ: 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.					
- Công Ty Cổ Phần SXKD Kim Khí Đại Tây Dương		100%	100%	100%	100%
+ Địa chỉ: Cụm CN - Tiểu thủ CN Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.					
- Công Ty Cổ Phần SXKD Thiết Bị Chiếu Sáng Thái Bình Dương		99,9%	99,9%	99,9%	99,9%
+ Địa chỉ: Cụm CN - Tiểu thủ CN Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.					
- Công Ty CP Đầu Tư Hạ Tầng BT		100%	100%	100%	100%
- Địa chỉ: 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.					
- Công Ty TNHH MTV Kho Vận Gilimex		100%	100%	100%	100%
+ Địa chỉ: Cụm CN - Tiểu thủ CN xã Hắc Dịch, ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.					
- Công Ty Cổ Phần KCN Gilimex		95%	95%	95%	95%
+ Địa chỉ: 45 Nguyễn Huệ, P. Vĩnh Ninh, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.					
+ Tỷ lệ đầu tư trực tiếp: 28%					
+ Tỷ lệ đầu tư gián tiếp: 67%					
- Công Ty TNHH Lưu Công Hiệu		100%	100%	100%	100%
+ Địa chỉ: Số 10A2 KDC An Bình, đường Trần Quốc Toản, KP 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Đồng Nai					
Công ty liên kết					
- Công Ty CP Dệt May Gia Định					
+ Địa chỉ: Số 10-12-14-16 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh					
+ Tỷ lệ đầu tư trực tiếp: 25%					
+ Tỷ lệ đầu tư gián tiếp: 0,91%					
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Hoàng An					
+ Địa chỉ: Số 26A3, Đường Tạo Lực 5, KCN Việt Nam - Singapore 2, P. Hòa Phú, TP TDM, T. Bình Dương					
+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 35%					
+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 35%					

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chi tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Một khoản dự phòng cho các khoản chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp chỉ được ghi nhận khi có đủ các điều kiện ghi nhận đối với các khoản dự phòng theo quy định tại Chuẩn mực kế toán "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

Các khoản dự phòng phải trả được trích lập hay hoàn nhập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Các khoản dự phòng phải trả khi trích lập ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng; khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí SX chung và hoàn nhập vào thu nhập khác.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Trái phiếu chuyển đổi được theo dõi theo từng loại, kỳ hạn, lãi suất và mệnh giá.

Khi phát hành trái phiếu chuyển đổi, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu; lãi trái phiếu ghi nhận vào chi phí tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

Khi đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả trái phiếu trong trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ghi tăng vốn chủ sở hữu tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm trong trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chi được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, bất động sản đầu tư, một số trường hợp có thể và cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa, sản phẩm dở dang ...

Chênh lệch đánh giá lại tài sản trong các trường hợp:

- Khi có quyết định của Nhà nước;
- Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở bảng giá Nhà nước quy định, Hội đồng định giá tài sản hoặc cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

c. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ và tại thời điểm đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ khi lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp; doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo tài chính;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

18. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

- Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

19. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

23. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ sau đây

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): áp dụng tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn/ nhận góp vốn;
- Đối với nợ phải thu ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với nợ phải trả ngoại tệ: áp dụng tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

25. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

26. Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt (*)	467.897.794	291.371.455
Tiền gửi ngân hàng (**)	606.671.655.812	214.161.587.460
Tiền gửi VND	189.380.469.035	7.025.569.019
Tiền gửi ngoại tệ	417.291.186.777	207.136.018.441
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi tiết kiệm dưới 3 tháng)	102.000.000.000	119.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	45.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN -CN TSN	102.000.000.000	74.500.000.000
Tổng cộng	709.139.553.606	333.952.958.915

Ghi chú: (*) Tiền mặt tồn quỹ khớp với biên bản kiểm kê thực tế tại ngày 30/06/2020.

(**) Tiền gửi Ngân hàng phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng tại ngày 30/06/2020.

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2.1. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Cuối kỳ</u>			<u>Đầu năm</u>		
	<i>Giá trị gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>
- Tổng giá trị cổ phiếu	14.503.467.500	14.503.467.500	-	2.835.462.500	2.835.462.500	-
+ Công Ty CP BV Đa Khoa Tư Nhân Triều An (50.000 cổ phiếu)	2.250.000.000	2.250.000.000	-	2.250.000.000	2.250.000.000	-
+ Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (203 cổ phiếu)	290.000	290.000	-	290.000	290.000	-
+ Công Ty CP XNK&ĐT Thừa Thiên Huế (70.448 cổ phiếu)	585.172.500	585.172.500	-	585.172.500	585.172.500	-
+ Công Ty CP Garmex Sài Gòn (777.867 cổ phiếu)	11.668.005.000	11.668.005.000	-	-	-	-
Tổng cộng	14.503.467.500	14.503.467.500	-	2.835.462.500	2.835.462.500	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

2.2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:	420.000.000	420.000.000	420.000.000	420.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (Ngân hàng TMCP Quân Đội - 12 tháng)	420.000.000	420.000.000	420.000.000	420.000.000
Tổng cộng	420.000.000	420.000.000	420.000.000	420.000.000

2.3. Đầu tư vào công ty con	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá trị hợp lý
Công Ty TNHH May Thanh Mỹ	54.833.900.000	-	54.833.900.000	54.833.900.000	-	54.833.900.000
Công Ty TNHH Bất Động Sản Gia Định	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Công Ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ	68.819.623.339	-	68.819.623.339	68.819.623.339	-	68.819.623.339
Công Ty CP SX & KD Kim Khi Đại Tây Dương	10.200.000.000	-	10.200.000.000	10.200.000.000	-	10.200.000.000
Công Ty CP SX & KD TBCS Thái Bình Dương	19.980.000.000	-	19.980.000.000	19.980.000.000	-	19.980.000.000
Công Ty CP Đầu Tư Hạ Tầng BT	10.000.000	-	10.000.000	-	-	-
Công Ty TNHH MTV Kho Vận Gilimex	100.000.000	-	100.000.000	-	-	-
Công Ty Cổ Phần KCN Gilimex	8.500.000.000	-	8.500.000.000	-	-	-
Công Ty TNHH Lưu Công Hiệu	41.200.000.000	-	41.200.000.000	-	-	-
Tổng cộng	223.643.523.339	-	223.643.523.339	173.833.523.339	-	173.833.523.339



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

Công ty con	Tỷ lệ vốn nắm giữ; Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú	Hoạt động
Công Ty TNHH May Thanh Mỹ	100%;100%		Sản xuất sản phẩm dệt may, may sẵn, thảm và chăn đệm, hàng dệt, trang phục, valy túi xách và các loại tương tự, yên đệm.
Công Ty TNHH Bất Động Sản Gia Định	100%;100%		Kinh doanh BDS, dịch vụ BĐS: Môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản. Xây dựng công trình nhà ở, công trình kỹ thuật. Tư vấn đầu tư.
Công Ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ	99,45%;99,45%		May trang phục; Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Sản xuất hàng may sẵn; Bán lẻ hàng may mặc; ...
Công Ty CP SX & KD Kim Khí Đại Tây Dương	100%;100%		Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (chi tiết: Sản phẩm dụng cụ gia dụng bằng kim loại).
Công Ty CP SX & KD TBCS Thái Bình Dương	99,9%;99,9%		Sản xuất và kinh doanh thiết bị chiếu sáng.
Công Ty CP Đầu Tư Hạ Tầng BT	100%;100%	(1)	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Công Ty TNHH MTV Kho Vận Gilimex	100%;100%	(2)	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
Công Ty Cổ Phần KCN Gilimex	95%;95%	(3)	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Công Ty TNHH Lưu Công Hiệu	100%;100%	(4)	Xây dựng nhà ở, dịch vụ lưu trú ngắn ngày

Ghi chú:

(1) Công Ty CP Đầu Tư Hạ Tầng BT được thành lập theo GCN đăng ký DN lần đầu số 0315971693 cấp ngày 21/10/2019, vốn điều lệ theo GCN đăng ký DN là 12.000.000.000 đồng. Trong đó, Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh có tỷ lệ vốn góp chiếm 98% trong vốn điều lệ (vốn cam kết góp là 11.760.000.000 đồng, tương đương 117.600 cổ phần). Tính đến ngày 30/06/2020, Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh đã góp vốn là 10.000.000 đồng (tỷ lệ 100% trên vốn thực góp).

(2) Công Ty TNHH MTV Kho Vận Gilimex được thành lập theo GCN đăng ký DN lần đầu số 3502339715 cấp ngày 12/17/2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 25/06/2020 do Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh làm chủ sở hữu. Vốn điều lệ theo GCN đăng ký DN là 100.000.000.000 đồng. Tính đến ngày 30/06/2020, Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh đã góp vốn là 100.000.000 đồng (tỷ lệ 100% trên vốn thực góp).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

(3) Công Ty Cổ Phần KCN Gilimex được thành lập theo GCN đăng ký DN lần đầu số 3301663937 cấp ngày 26/11/2019 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02/07/2020, vốn điều lệ theo GCN đăng ký DN là 510.000.000.000 đồng. Tính đến ngày 30/06/2020, Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh đã góp vốn là 8.500.000.000 đồng và Công Ty CP SX & KD TBCS Thái Bình Dương đã góp 20.400.000.000 (tỷ lệ trực tiếp và gián tiếp là 95% trên vốn thực góp).

(4) Công Ty TNHH Lưu Công Hiệu được thành lập theo GCN đăng ký DN lần đầu số 3600816814 cấp ngày 22/03/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 13/01/2020, vốn điều lệ theo GCN đăng ký DN là 25.000.000.000 đồng. Tính đến ngày 30/06/2020, Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng 100% vốn góp.

2.4. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá trị hợp lý
+ Công Ty CP Dệt May Gia Định (tỷ lệ 25%)(**)	186.648.394.100	(35.618.205.716)	151.030.188.384	186.648.394.100	(35.618.205.716)	151.030.188.384
+ Công Ty CP ĐT & PT Hoàng An (tỷ lệ 35%)(***)	22.161.431.250	-	22.161.431.250	-	-	-
Tổng cộng	208.809.825.350	(35.618.205.716)	173.191.619.634	186.648.394.100	(35.618.205.716)	151.030.188.384

Ghi chú:

(**) Theo QĐ số 7194/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công Ty TNHH MTV Dệt May Gia Định thuộc Công ty Đầu Tư Tài Chính Nhà Nước Thành Phố thành Công Ty Cổ Phần. Ngày 10/05/2016 Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh ký kết hợp đồng với Công Ty TNHH MTV Dệt May Gia Định mua 25% vốn cổ phần của Công Ty CP Dệt May Gia Định bằng hình thức đấu thầu. Tại ngày 30/06/2020, khoản mục trích lập dự phòng đầu tư của Công Ty CP Dệt May Gia Định chúng tôi dựa trên Báo cáo tài chính năm 2019 do Công Ty CP Dệt May Gia Định lập và công bố trên trang web của Công Ty (BCTC này chưa được kiểm toán).

(***) Theo Nghị quyết số 03/2020/NQ-HDQT ngày 11/01/2020 của Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh về việc phê duyệt nhận chuyển nhượng cổ phần của Ông Lê Hùng tại Công Ty CP ĐT & PT Hoàng An, tổng số lượng cổ phần nhận chuyển nhượng là 210.000 cổ phần (tương đương 2,1 tỷ đồng, chiếm 35% Vốn điều lệ của Công Ty CP ĐT & PT Hoàng An) đồng thời đề cử Ông Lê Hùng làm người đại diện theo ủy quyền đối với số cổ phần nhận chuyển nhượng này. Tính đến ngày 30/06/2020, Công Ty CP ĐT & PT Hoàng An vẫn chưa đi vào hoạt động.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KIỆCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	388.643.017.601	294.537.701.386
- Ikea Supply AG	70.405.821.087	46.291.544.014
- Ballard Designs, Inc	-	6.065.638.508
- Amazon Robotics, Inc	313.127.473.708	238.203.709.334
- B&Q PLC	-	2.597.896.395
- Công Ty TNHH KD TM và DV Vinfast	1.155.000.000	-
- Các đối tượng khác	3.954.722.806	1.378.913.135
c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan	24.530.000	-
- Công Ty CP Giày Da và May Mặc Xuất Khẩu	24.530.000	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu ngắn hạn khác	138.127.194.698	-	3.355.631.537	-
- BHXH	-	-	-	-
- Tạm ứng	2.338.094.468	-	2.317.523.685	-
- Ký cược, ký quỹ	237.655.864	-	-	-
- Cho mượn	15.112.900.000	-	50.000.000	-
Trong đó:				
Công ty TNHH MTV Kho Vận Gilmex	50.000.000	-	50.000.000	-
Công Ty TNHH MTV Lưu Công Hiệu	62.900.000	-	-	-
Công Ty TNHH MTV Bất Động sản Gia Định	15.000.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	120.438.544.366	-	988.107.852	-
Trong đó:				
- Ngân Hàng TMCP Quân Đội	-	-	96.647.013	-
- Công Ty TNHH Giao Nhận và vận tải Liên Lạc Địa	-	-	210.074.465	-
- Công Ty CP Chứng Khoán MB	-	-	632.213	-
- Lê Anh Thi	11.694.313.490	-	-	-
- Đỗ Thị Huyền Trang	35.910.000.000	-	-	-
- Lý Hồng Việt	24.473.880.000	-	-	-
- Võ Thái Sơn	47.610.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	750.350.876	-	680.754.161	-
b. Phải thu dài hạn khác	2.040.944.120	-	1.969.264.120	-
- Ký cược, ký quỹ	2.040.944.120	-	1.969.264.120	-
Tổng cộng	140.168.138.818		5.324.895.657	

5. NỢ XẤU

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-	-	-
Tổng cộng	-	-	-	-

6. HÀNG TỒN KHO

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	175.143.180.564	-	186.781.463.273	-
- Công cụ, dụng cụ	26.223.579.398	-	25.497.050.133	-
- Chi phí SXKD dở dang	66.936.872.120	-	36.785.867.619	-
- Thành phẩm	98.107.020.260	-	367.566.050.009	-
- Hàng hóa	518.416	-	49.121.322	-
- Hàng hóa gửi bán	49.121.322	-	-	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	366.460.292.080	-	616.679.552.356	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

7. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Chi phí SXKD dở dang dài hạn	-	-	-	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	8.676.058.662	7.666.070.352	29.953.615.238	28.943.626.928
<i>Trong đó:</i>				
+ Mua sắm	1.078.709.454	1.078.709.454	1.498.312.334	1.498.312.334
+ Xây dựng cơ bản dở dang	7.597.349.208	6.587.360.898	28.455.302.904	27.445.314.594
Công trình khu biệt thự Bình Quới, Thanh Đa	5.059.058.152	5.059.058.152	5.059.058.152	5.059.058.152
Công trình phường 28, quận Bình Thạnh	1.009.988.310	-	1.009.988.310	-
Công trình Kho Tổng Gilimex	1.133.857.291	1.133.857.291	1.133.857.291	1.133.857.291
Công trình nhà văn phòng NM Bình Thạnh KCN Phú Bài	-	-	20.857.953.696	20.857.953.696
KCN Phú Bài	394.445.455	394.445.455	394.445.455	394.445.455
- Sửa chữa	-	-	-	-
Tổng cộng	8.676.058.662	7.666.070.352	29.953.615.238	28.943.626.928

Ghi chú:

Công trình phường 28, quận Bình Thạnh phát sinh từ những năm trước, với những tài liệu hiện có do Công ty cung cấp chúng tôi không có căn cứ xác định công trình này có được tiếp tục thực hiện hay không, do vậy chúng tôi không thể xác định được giá trị có thể thu hồi của công trình này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	120.156.811.832	46.159.295.010	25.854.695.907	1.163.409.160	-	193.334.211.909
Số tăng trong kỳ	18.915.823.770	3.619.316.861	488.054.818	393.158.062	-	23.416.353.511
- Mua trong kỳ	2.296.224.900	3.619.316.861	-	172.680.000	-	6.088.221.761
- Đầu tư XDCB hoàn thành	16.619.598.870	-	488.054.818	220.478.062	-	17.328.131.750
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	139.072.635.602	49.778.611.871	26.342.750.725	1.556.567.222	-	216.750.565.420
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	35.787.838.734	31.888.789.600	13.982.039.060	1.124.116.138	-	82.782.783.532
Số tăng trong kỳ	2.946.248.653	2.542.988.388	1.470.700.464	41.426.971	-	7.001.364.476
- Khấu hao trong kỳ	2.946.248.653	2.542.988.388	1.470.700.464	41.426.971	-	7.001.364.476
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	38.734.087.387	34.431.777.988	15.452.739.524	1.165.543.109	-	89.784.148.008
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	84.368.973.098	14.270.505.410	11.872.656.847	39.293.022	-	110.551.428.377
Tại ngày cuối kỳ	100.338.548.215	15.346.833.883	10.890.011.201	391.024.113	-	126.966.417.412

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay : Không có
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : Không có
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý : Không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai : Không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình : Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	10.389.035.019	-	-	666.110.000	-	11.055.145.019
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	10.389.035.019	-	-	666.110.000	-	11.055.145.019
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.488.785.073	-	-	638.716.774	-	2.127.501.847
Số tăng trong kỳ	103.890.348	-	-	15.180.000	-	119.070.348
- Khấu hao trong kỳ	103.890.348	-	-	15.180.000	-	119.070.348
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.592.675.421	-	-	653.896.774	-	2.246.572.195
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	8.900.249.946	-	-	27.393.226	-	8.927.643.172
Tại ngày cuối kỳ	8.796.359.598	-	-	12.213.226	-	8.808.572.824

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

: Không có

: Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a. Ngắn hạn

- Chi phí công cụ, dụng cụ
- Chi phí thuê giá công, in, thuê
- Chi phí bảo hiểm
- Chi phí sửa chữa, bảo trì

Cộng

b. Dài hạn

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
- Chi phí sửa chữa, thi công, lắp đặt
- Chi phí khác

Cộng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
178.626.259	40.440.921
284.306.666	462.875.216
697.495.745	885.394.587
164.104.783	71.880.137
1.324.533.453	1.460.590.861
7.359.562.413	4.449.655.163
3.445.653.593	1.995.143.368
948.644.179	890.835.176
11.753.860.185	7.335.633.707



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	555.612.738.669	555.612.738.669	666.934.804.124	670.200.533.718	558.878.468.263	558.878.468.263
+ Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Tân Sơn Nhất (USD)	296.619.685.613	296.619.685.613	303.564.910.352	292.332.582.986	285.387.358.247	285.387.358.247
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội VN - CN Bắc Sài Gòn (USD)	258.993.053.056	258.993.053.056	363.369.893.772	350.161.128.815	245.784.288.099	245.784.288.099
+ Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Bắc Sài Gòn (USD)	-	-	-	27.706.821.917	27.706.821.917	27.706.821.917
b. Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	555.612.738.669	555.612.738.669	666.934.804.124	670.200.533.718	558.878.468.263	558.878.468.263

Ghi chú:

+ Số dư khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Tân Sơn Nhất (USD) là của hợp đồng tín dụng sau:

Số HĐ	Ngày hợp đồng (Phụ lục HĐ)	Thời hạn vay	Hạn mức	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
03/CV-0317/17/GV/GHITD	20/08/2019	12 tháng	300.000.000.000	theo từng giấy nhận nợ	296.619.685.613	Quyền TS trị giá 138.765.000.000 VND
Cộng					296.619.685.613	

+ Số dư khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Bắc Sài Gòn (USD) là của hợp đồng tín dụng sau:

Số HĐ	Ngày hợp đồng (Phụ lục HĐ)	Thời hạn vay	Hạn mức	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
38031.19.201.775210.TD	24/09/2019	12 tháng	400.000.000.000	theo từng giấy nhận nợ	258.993.053.056	Khoản phải thu đã hình thành từ IKEA hoặc các đối tác có phương thức thanh toán LC cho MB
Cộng					258.993.053.056	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn:	474.346.114.815	474.346.114.815	355.546.823.201	355.546.823.201
- Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ	40.167.439.929	40.167.439.929	45.615.018.240	45.615.018.240
- Công Ty CP XNK và Đầu Tư Thừa Thiên Huế	84.100.406.400	84.100.406.400	82.143.573.600	82.143.573.600
- Công Ty CP Dệt May Gia Định	71.480.459.105	71.480.459.105	38.267.420.356	38.267.420.356
- CTY TNHH Lovetex Industrial Việt Nam	15.708.755.328	15.708.755.328	8.742.642.066	8.742.642.066
- Công ty TNHH Imopack Việt Nam	914.022.031	914.022.031	1.009.496.055	1.009.496.055
- VIETNAM CONNECTIONS, INC	37.623.507.869	37.623.507.869	22.312.535.415	22.312.535.415
- WOOJEON CO., LTD	85.993.716.574	85.993.716.574	72.637.073.676	72.637.073.676
- HONG KONG MINWIE TRADING CO.,LTD	4.652.647.954	4.652.647.954	3.866.617.440	3.866.617.440
- BLAZE MAX HONG KONG LIMITED	41.293.946.323	41.293.946.323	4.794.599.408	4.794.599.408
- Các đối tượng khác	92.411.213.302	92.411.213.302	76.157.846.945	76.157.846.945
Cộng	474.346.114.815	474.346.114.815	355.546.823.201	355.546.823.201
b. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
c. Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ	40.167.439.929	40.167.439.929	45.615.018.240	45.615.018.240
- Công Ty CP SX & KD Kim Khí Đại Tây Dương	7.909.848.757	7.909.848.757	3.730.378.319	3.730.378.319
- Công Ty CP Dệt May Gia Định	71.480.459.105	71.480.459.105	38.267.420.356	38.267.420.356
- Công Ty CP SX và KD TB Chiêu Sáng Thái Bình Dương	88.000.000	88.000.000	-	-
Cộng	119.645.747.791	119.645.747.791	87.612.816.915	87.612.816.915

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THU, PHẢI NỘP CHO NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
a. Phải nộp	13.672.869.653	33.049.838.470	29.928.208.061	16.794.500.062
Thuế giá trị gia tăng	-	612.528.162	612.528.162	-
Thực nộp bằng tiền	-	-	-	-
Đã khấu trừ	-	612.528.162	612.528.162	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.990.862.607	26.392.071.385	23.263.599.963	16.119.334.029

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

Thuế thu nhập cá nhân	682.007.046	6.045.238.923	6.052.079.936	675.166.033
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-
Thuế khác	-	-	-	-
b. Phải thu	1.903.349.260	1.686.333.878	1.644.612.120	1.861.627.502
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.903.349.260	1.686.333.878	1.644.612.120	1.861.627.502

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	872.248.013	718.286.266
- Trích trước chi phí lãi vay	590.248.013	718.286.266
- Chi phí phải trả khác	282.000.000	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	872.248.013	718.286.266

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	234.495.922.183	42.279.577.275
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- Kinh phí công đoàn	528.800.495	626.597.097
- BHXH, BHYT, BHTN	3.015.118.494	-
- Bảo hiểm tai nạn	47.823.885	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	230.904.179.309	41.652.980.178
<i>Trong đó:</i>		
Chi khen thưởng, lễ tết	720.000.000	831.000.000
IKEA TRADING HONGKONG	1.346.766.819	1.342.721.606
TODAY'S TEXTILE (Đài Loan)	1.943.198.167	1.936.396.985
BALLARD DESIGNS	1.367.893.184	1.365.134.967
IKEA SUPPLY AG	7.541.071.144	7.536.929.498
EAST WEST MANUFACTURING	463.719.792	463.719.792
AMAZON ROBOTICS, LLC	-	7.295.790.000
BLAZE MAX HONG KONG LIMITED	5.008.899.837	2.977.534.812
Chi phí bán hàng	25.256.901.429	12.161.757.988
Tiền góp vốn của các cổ đông	180.000.000.000	-
Các đối tượng khác	7.255.728.937	5.748.000.530
b. Dài hạn	2.600.000.000	2.600.000.000
- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	2.600.000.000	2.600.000.000
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	1.408.158.091	742.668.622
- Doanh thu nhận trước (cho thuê văn phòng)	1.408.158.091	742.668.622
b. Dài hạn	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời khấu trừ	289.577.271	11.633.571
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	289.577.271	11.633.571
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế thu nhập hoãn lại	20%	
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời	-	
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	
Thuế Thu nhập hoãn lại phải trả	-	

011729
20%
CÔNG TY
THIÊN HƯNG
- VỤ TƯ
- NH KẾ
- HIỂM T
- TÀI NAN
T.P.HỒ

0218766
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SẢN XUẤT KINH DO
T NHẬP KH
NH THẠNH
PHIMEX

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
a. Số dư đầu năm trước	190.758.250.000	172.983.798.793	-	45.593.508.600	290.944.695.600	700.280.252.993
- Tăng trong năm trước	49.241.750.000	-	-	-	111.362.979.513	160.604.729.513
Trong đó:						
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	111.362.979.513	111.362.979.513
- Tăng vốn trong năm nay (chia cổ tức bằng cổ phiếu)	40.049.760.000	-	-	-	-	40.049.760.000
- Tăng vốn trong năm nay (thưởng cổ phiếu)	9.191.990.000	-	-	-	-	9.191.990.000
- Giảm trong năm trước	-	-	-	-	49.470.218.750	49.470.218.750
Trong đó:						
- Giảm do bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận giảm trong kỳ (do chia cổ tức bằng cổ phiếu)	-	-	-	-	40.049.760.000	40.049.760.000
- Thưởng cổ phiếu	-	-	-	-	9.191.990.000	9.191.990.000
- Chia cổ tức	-	-	-	-	1.068.750	1.068.750
- Chi phụ cấp IHDQT và BKS	-	-	-	-	227.400.000	227.400.000
b. Số dư cuối năm trước (đầu năm nay)	240.000.000.000	172.983.798.793	-	45.593.508.600	352.837.456.363	811.414.763.756
- Tăng trong kỳ	-	-	-	-	102.573.687.352	102.573.687.352
Trong đó:						
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	102.573.687.352	102.573.687.352
- Tăng do mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm trong kỳ	-	-	-	2.508.840.000	144.000.000
Trong đó:					
- Lợi nhuận giảm trong kỳ (do chia cổ tức bằng cổ phiếu)					-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-
- Chi phụ cấp HĐQT và BKS	-	-	-	-	144.000.000
- Giảm khác (*)				2.508.840.000	2.508.840.000
c. Số dư cuối kỳ	240.000.000.000	172.983.798.793	-	43.084.668.600	455.267.143.715
					911.335.611.108

18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước		
Vốn góp của các đối tượng khác (cổ đông, thành viên...)	240.000.000.000	240.000.000.000
Cộng	240.000.000.000	240.000.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	172.983.798.793	172.983.798.793
- Cổ phiếu ngân quỹ	-	-

(*) **Ghi chú:** Căn cứ vào BB hợp HĐQT về việc hợp tác kinh doanh với Công ty CP XNK Da Giấy Sài Gòn và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển ngày 20/12/2019, Công ty đã sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để chi trả khoản chia cổ định hàng tháng cho Công ty CP XNK Da Giấy Sài Gòn cho 6 tháng đầu năm 2020 số tiền là 2.508.840.000 đồng (418.140.000 đồng / 1 tháng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
a. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	240.000.000.000	190.758.250.000
+ Vốn góp đầu năm	240.000.000.000	190.758.250.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	240.000.000.000	190.758.250.000
b. Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	40.050.828.750

18.4. Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000	24.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

18.5. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

18.6. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển	43.084.668.600	45.593.508.600
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CĐKT

a. Ngoại tệ các loại

	Cuối kỳ	Đầu năm
- USD (nguyên tệ)	17.900.723,12	8.814.388,63
- EUR (nguyên tệ)	133.897,52	133.897,52

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

b. Nợ khó đòi đã xử lý:

Đối tượng	Số tiền (VND)	Thời điểm xóa sổ	Nguyên nhân xóa sổ
+ Công Ty Sản Xuất Phim Việt Chuyên Đề	2.250.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty TNHH Đầu Tư Chiến Thắng	117.600.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Tô Thị Ngọc Thảo	20.000.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty TNHH Đức Nhân	396.635.955	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty CP Truyền Thông Ánh Sáng Xanh	7.700.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đất Phở	151.200.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty TNHH Phú Hải	4.331.067	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty Hoàng Gia	44.000.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
- Công Ty TNHH Đầu Tư Tiến Thắng	78.400.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty TNHH TM DV XD Kim Loan	71.148.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty CP Klassy	1.406.354.260	Năm 2017	Không thể thu hồi
Cộng	<u>2.299.619.282</u>		



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.533.016.973.389	1.014.085.785.910
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.059.183.099	3.270.226.936
Cộng	1.536.076.156.488	1.017.356.012.846

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	-	-

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.291.202.572.291	861.718.139.822
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.222.324.862	1.218.262.954
Cộng	1.292.424.897.153	862.936.402.776

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.587.185.241	648.267.980
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	96.066.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.484.408.335	18.862.257.767
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.228.569.248	-
Cộng	30.300.162.824	19.606.591.747

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
- Lãi tiền vay	7.847.695.856	10.656.671.497
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.147.151.332	14.844.763.756
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.089.545.236
Cộng	32.994.847.188	26.590.980.489

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

6. THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	191.250.000	-
- Thu nhập từ bồi thường, thưởng, cần trừ công nợ	551.357.615	3.071.959.788
Cộng	742.607.615	3.071.959.788

7. CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
- Giá trị còn lại và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và CCDC	149.573.428	689.820.108
- Thanh lý hàng, nguyên vật liệu tồn lâu ngày, hư hỏng	-	5.315.603.756
- Chi phí vi phạm hợp đồng, hàng lỗi	172.793.082	327.002.564
- Xử lý công nợ	-	70.934.662
- Các khoản khác	225.372	852.542.018
Cộng	322.591.882	7.255.903.108

8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
8.1. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.608.589	206.111.839
- Chi phí bằng tiền khác	70.974.854.035	33.397.290.881
Cộng	71.008.462.624	33.603.402.720
8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	27.332.592.897	15.348.998.037
- Chi phí đồ dùng văn phòng	455.227.109	380.739.221
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.242.938.353	3.498.448.321
- Thuế, phí, lệ phí	2.996.910.776	5.072.959.883
- Chi phí dự phòng	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.282.667.777	1.534.983.134
- Chi phí bằng tiền khác	4.369.976.131	5.987.152.943
Cộng	41.680.313.043	31.823.281.539

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	618.815.456.283	514.270.684.416
- Chi phí nhân công	110.070.897.263	65.357.296.242
- Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	6.579.476.834	4.521.404.048
- Chi phí khấu hao TSCĐ	7.120.434.824	6.289.675.870
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	313.165.734.615	2.977.358.250
- Chi phí bằng tiền khác	104.415.691.645	61.056.931.698
Cộng	1.160.167.691.464	654.473.350.524

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	26.392.071.385	16.865.172.694
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	1.350.223.655
Cộng	26.392.071.385	18.215.396.349

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	128.687.815.037	77.824.593.749
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	3.272.541.889	6.501.269.720
+ Các khoản điều chỉnh tăng	3.330.709.743	7.786.994.476
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	1.882.823.388	7.496.289.437
<i>Lỗ CLTG cuối kỳ (TGNH, phải thu) năm nay</i>	1.447.886.355	290.705.039
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(58.167.854)	(1.285.724.756)
<i>Lỗ CLTG cuối kỳ (TGNH, phải thu) năm trước</i>	(58.167.854)	(1.189.658.756)
<i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	-	(96.066.000)
- Tổng thu nhập chịu thuế	131.960.356.926	84.325.863.469
- Thuế TNDN hiện hành tính trên TN chịu thuế năm hiện hành	26.392.071.385	16.865.172.694
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	26.392.071.385	16.865.172.694
- Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu của các năm trước	-	1.350.223.655
- Thuế TNDN hiện hành phải nộp	26.392.071.385	18.215.396.349

11. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(289.577.271)	(58.141.008)
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	11.633.571	237.931.751
Cộng	(277.943.700)	179.790.743

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không phát sinh
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: Không phát sinh

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	666.934.804.124	595.587.287.359
4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(660.954.852.403)	(768.813.439.338)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

III. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ:

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 21/04/2019 thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 240 tỷ lên thành 360 tỷ, Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐQT ngày 30/06/2020 về việc đăng ký tăng vốn điều lệ và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh, đến ngày 30/06/2020 các Cổ đông đã thực hiện góp vốn đủ, số vốn góp này được Công ty treo trên tài khoản phải trả ngắn hạn khác, sau khi hoàn thành các thủ tục pháp lý cần thiết (Công văn chấp nhận của UBCK và đăng ký thay đổi Giấy CN ĐKKD mới) cho số vốn góp tăng. Đến ngày 16/07/2020, Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh đã hoàn tất mọi thủ tục pháp lý, thực hiện kết chuyển toàn bộ số tiền góp vốn của các Cổ đông sang Tài khoản vốn góp của Chủ sở hữu.

Thực hiện Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng về việc Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của cùng 01 công ty đại chúng, Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh đã có gửi công văn số 111/2020/CV-GIL ngày 17 tháng 08 năm 2020 gửi Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cam kết sẽ thực hiện đúng theo quy định tại nghị định số 71/2017/NĐ-CP kể từ quý 4 năm 2020.

3. Thông tin về các bên liên quan

a. Tình hình thu nhập của Ban Giám đốc

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Luong và thưởng của các thành viên BGD	1.890.000.000	1.890.000.000
Luong và thưởng của các thành viên HĐQT	291.600.000	291.600.000

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan.
Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Công Ty TNHH May Thanh Mỹ	Công ty con	Mua hàng - Thuê gia công hàng	32.314.831.481
Công Ty CP SXKD Kim Khí Đại Tây Dương	Công ty con	Mua hàng - Mua nguyên vật liệu	8.579.529.680
Công Ty TNHH MTV Bất Động sản Gia Định	Công ty con	Trả hộ tiền điện Cho mượn tiền	82.667.700 15.000.000.000
Công Ty CP SXKD Thiết Bị Chiếu Sáng Thái Bình Dương	Công ty con	Mua hàng - Mua công cụ, dụng cụ	80.600.000
Công Ty TNHH MTV Kho Vận Gilimex	Công ty con	Mua hàng - Thuê gia công hàng Bán hàng - Gia công hàng	400.794.000 2.050.946.000
Công Ty TNHH MTV Kho Vận Gilimex	Công ty con	Chuyển tiền góp vốn	100.000.000
Công Ty Cổ Phần KCN Gilimex	Công ty con	Chuyển tiền góp vốn	8.500.000.000
Công Ty TNHH Lưu Công Hiệu	Công ty con	Cho mượn tiền	62.900.000
Công Ty CP Dệt May Gia Định	Công ty liên kết	Mua hàng - Thuê máy Mua hàng - Thuê gia công hàng	36.000.000 159.240.538.446
Cộng			226.448.167.307

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

c. Các khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 30/06/2020 với các bên có liên quan :

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Số dư công nợ
Công Ty TNHH MTV Bất Động sản Gia Định	Công ty con	Trả trước tiền giám sát thi công	1.039.905.937
		Phải thu tiền cho mượn	15.000.000.000
Công Ty TNHH MTV Kho Vận Gilimex	Công ty con	Phải thu tiền cho mượn	50.000.000
Công Ty CP SXKD Thiết Bị Chiếu Sáng Thái Bình Dương	Công ty con	Nhận ứng trước tiền gia công	17.136.000
		Phải trả tiền hàng	88.000.000
Công Ty TNHH Lưu Công Hiếu	Công ty con	Phải thu tiền cho mượn	62.900.000
Công ty TNHH May Thanh Mỹ	Công ty con	Phải trả tiền phí gia công	40.167.439.929
Công Ty CP SXKD Kim Khí Đại Tây Dương	Công ty con	Phải trả tiền hàng	7.909.848.757
Công ty CP Dệt May Gia Định	Công ty liên kết	Phải trả tiền phí gia công hàng	71.480.459.105
Công Ty CP Giày Da và May Mặc Xuất Khẩu	Công ty liên kết	Phải thu tiền vận chuyển hàng	24.530.000
Cộng			135.840.219.728

4. Thông tin về Báo cáo bộ phận:

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

5. QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY

Nợ phải trả tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, đầu tư chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

5.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty).

Độ nhạy về ngoại tệ

Do công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối năm, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

c. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá cổ phiếu:

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy đo tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

Rủi ro về giá bất động sản:

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

- Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.
- Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

5.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

a. Đối với khoản phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	555.612.738.669	-	-	555.612.738.669
Phải trả người bán	474.346.114.815	-	-	474.346.114.815
Chi phí phải trả	872.248.013	-	-	872.248.013
Các khoản phải trả khác	234.495.922.183	2.600.000.000	-	237.095.922.183
Số đầu năm				
Vay và nợ	558.878.468.263	-	-	558.878.468.263
Phải trả người bán	355.546.823.201	-	-	355.546.823.201
Chi phí phải trả	718.286.266	-	-	718.286.266
Các khoản phải trả khác	42.279.577.275	2.600.000.000	-	44.879.577.275

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	709.139.553.606	333.952.958.915	709.139.553.606	333.952.958.915
Phải thu khách hàng	388.643.017.601	294.537.701.386	388.643.017.601	294.537.701.386
Trả trước cho người bán	30.432.552.309	32.720.286.042	30.432.552.309	32.720.286.042
Các khoản phải thu khác	140.168.138.818	5.324.895.657	140.168.138.818	5.324.895.657
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	474.346.114.815	355.546.823.201	474.346.114.815	355.546.823.201
Người mua trả tiền trước	28.377.174.824	28.220.834.487	28.377.174.824	28.220.834.487
Vay và nợ	555.612.738.669	558.878.468.263	555.612.738.669	558.878.468.263
Phải trả người lao động	27.659.265.970	30.073.105.678	27.659.265.970	30.073.105.678
Chi phí phải trả	872.248.013	718.286.266	872.248.013	718.286.266
Các khoản phải trả khác	237.095.922.183	44.879.577.275	237.095.922.183	44.879.577.275

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày cuối năm. Tuy nhiên, Ban Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

7. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020

8. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ cho 06 tháng đầu năm 2019 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán và soát xét.

Người lập biểu



Dương Ngọc Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Hiếu

TP. HCM, ngày 21 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc



Lê Hùng

